

Số: 700 /QĐ-ĐHH

Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định quản lý người nước ngoài**  
**học tập tại Đại học Huế**

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ**

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam;

Xét đề nghị của Quyền Trưởng ban Đào tạo và Trưởng ban Công tác học sinh, sinh viên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

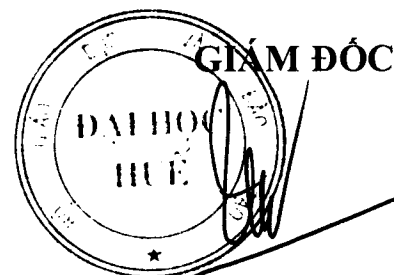
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý người nước ngoài học tập tại Đại học Huế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 109/QĐ-ĐHH ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định quản lý người nước ngoài học tập tại Đại học Huế.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng các ban chức năng, Hiệu trưởng các trường đại học, Viện trưởng viện thành viên và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Đại học Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/ *nh*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, CTHSSV. ĐVP.



**Nguyễn Quang Linh**

## **QUY ĐỊNH**

### **Quản lý người nước ngoài học tập tại Đại học Huế**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 700 /QĐ-ĐHH ngày 30 tháng 5 năm 2019  
của Giám đốc Đại học Huế)*

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định công tác quản lý người nước ngoài học tập tại Đại học Huế, bao gồm: Điều kiện tiếp nhận, đào tạo và quản lý lưu học sinh; quyền lợi và trách nhiệm của lưu học sinh.

2. Quy định này áp dụng đối với người nước ngoài học tập tại các cơ sở giáo dục thuộc Đại học Huế, bao gồm: Sinh viên đại học; học viên chương trình đào tạo thạc sĩ; nghiên cứu sinh; học viên chương trình bồi dưỡng nâng cao trình độ; thực tập sinh (sau đây gọi chung là lưu học sinh) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Người nước ngoài đến Đại học Huế theo chương trình trao đổi sinh viên có quy định riêng, không thuộc đối tượng áp dụng của Quy định này.

### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lưu học sinh Hiệp định là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Đại học Huế theo chỉ tiêu phân bổ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Lưu học sinh ngoài Hiệp định là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam theo thỏa thuận, hợp đồng đào tạo giữa cơ sở giáo dục thuộc Đại học Huế với cá nhân lưu học sinh hoặc các tổ chức, cá nhân tài trợ học bổng cho lưu học sinh, gồm có: Lưu học sinh học bổng tỉnh Thừa Thiên Huế, lưu học sinh học bổng khác và lưu học sinh tự túc.

3. Cơ sở giáo dục tiếp nhận đào tạo lưu học sinh bao gồm: Trường đại học, viện thành viên; phân hiệu, khoa, viện nghiên cứu của Đại học Huế có chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, hoạt động khoa học và công nghệ, phục vụ cộng đồng.

4. Cơ sở phục vụ lưu học sinh là Trung tâm Phục vụ sinh viên Đại học Huế, nơi được phép tiếp nhận người nước ngoài vào ở ký túc xá trong thời gian học tập tại Đại học Huế.

### **Điều 3. Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy và học tập**

1. Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức sử dụng trong các cơ sở giáo dục thuộc Đại học Huế.

2. Lưu học sinh có thể học tập, nghiên cứu, thực tập bằng ngôn ngữ khác mà cơ sở giáo dục được phép sử dụng trong chương trình đào tạo.

## **Chương II**

### **ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN, ĐÀO TẠO VÀ QUẢN LÝ LƯU HỌC SINH**

#### **Điều 4. Điều kiện về học vấn, chuyên môn**

1. Lưu học sinh vào học chương trình đại học, thạc sĩ, tiến sĩ phải có văn bằng tốt nghiệp tối thiểu tương đương văn bằng tốt nghiệp của Việt Nam theo quy định pháp luật của Việt Nam hoặc các điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước gửi lưu học sinh là thành viên đối với từng cấp học và trình độ đào tạo.

2. Lưu học sinh vào học các khóa bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn đã được thỏa thuận giữa Việt Nam với phía gửi đào tạo hoặc theo hợp đồng đào tạo đã ký kết.

3. Lưu học sinh vào thực tập chuyên ngành phải đáp ứng các điều kiện về học vấn và chuyên môn theo yêu cầu của cơ sở giáo dục tiếp nhận thực tập sinh.

4. Lưu học sinh vào học các ngành năng khiếu (nghệ thuật, mỹ thuật, kiến trúc, thể dục thể thao) ngoài những điều kiện quy định tại Điều này còn phải đạt yêu cầu của các kỳ thi hoặc kiểm tra về năng khiếu theo quy định của cơ sở giáo dục tiếp nhận đào tạo.

5. Trong trường hợp cần thiết, lưu học sinh phải học bổ sung kiến thức chuyên ngành để đạt yêu cầu vào học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ do cơ sở giáo dục tiếp nhận đào tạo tổ chức thực hiện, thời gian tối đa 01 năm học (sau khi lưu học sinh đã đạt yêu cầu về trình độ tiếng Việt).

6. Đối với lưu học sinh ngoài Hiệp định vào học chương trình đại học, ngoài các điều kiện quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều này, tùy theo đặc thù của ngành nghề đào tạo, các cơ sở giáo dục có thể quy định thêm về điều kiện tiếp nhận.

#### **Điều 5. Điều kiện về sức khỏe và độ tuổi**

1. Lưu học sinh phải có đủ sức khỏe để học tập tại Việt Nam (dựa trên kết luận ghi trong giấy khám sức khỏe quy định tại Khoản 3, Điều 7 Quy định này). Trường hợp mắc các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không đủ sức khỏe để học tập thì lưu học sinh phải về nước.

2. Điều kiện về tuổi đối với lưu học sinh Hiệp định thực hiện theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Không hạn chế tuổi đối với lưu học sinh ngoài Hiệp định.

## **Điều 6. Điều kiện về ngôn ngữ**

1. Lưu học sinh vào học chương trình chính thức bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài. Lưu học sinh đã tốt nghiệp các cấp học ở giáo dục phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ bằng tiếng Việt được miễn yêu cầu về điều kiện tiếng Việt.

2. Lưu học sinh đăng ký học tập, nghiên cứu, thực tập bằng ngôn ngữ khác mà cơ sở giáo dục tiếp nhận đào tạo được phép sử dụng trong đào tạo cần đạt yêu cầu về trình độ ngôn ngữ đó theo quy định của từng chương trình. Lưu học sinh là người bản ngữ (của ngôn ngữ sử dụng trong học tập, nghiên cứu, thực tập) hoặc đã tốt nghiệp phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học hoặc thạc sĩ, tiến sĩ bằng ngôn ngữ đó thì được miễn yêu cầu về ngoại ngữ.

## **Điều 7. Điều kiện về hồ sơ**

Lưu học sinh nộp 01 bộ hồ sơ bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh gồm các giấy tờ sau:

1. Phiếu đăng ký (Phụ lục I).

2. Bản sao, bản dịch có xác nhận hoặc chứng thực văn bằng, kết quả học tập theo quy định đối với từng cấp học, trình độ đào tạo của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo. Cụ thể như sau:

a) Đăng ký học đại học: Bản sao bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương (kèm bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh); bản sao học bạ hoặc bảng điểm bậc Trung học phổ thông hoặc tương đương (kèm bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh); giấy chứng nhận kết quả học tập đã tích lũy ở bậc đại học (nếu có).

b) Đăng ký học thạc sĩ: Bản sao bằng tốt nghiệp đại học (kèm bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh); bản sao bảng điểm bậc đào tạo đại học (kèm bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh); giấy chứng nhận kết quả học tập bậc thạc sĩ đã tích lũy tại trường đại học nước ngoài, hoặc Việt Nam (nếu có).

c) Đăng ký học tiến sĩ: Bản sao bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc đại học (kèm bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh); bản sao bảng điểm bậc đào tạo thạc sĩ hoặc đại học (kèm bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh); giấy chứng nhận kết quả học tập bậc thạc sĩ, tiến sĩ đã tích lũy tại trường đại học nước ngoài hoặc Việt Nam (nếu có).

3. Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương của Việt Nam chứng nhận đủ sức khỏe để học tập được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

4. Bản sao chứng chỉ trình độ tiếng Việt do cơ sở giáo dục có thẩm quyền cấp hoặc chứng chỉ quốc tế về ngôn ngữ sẽ sử dụng để học tập tại Việt Nam (nếu có).

5. Bản sao giấy tờ minh chứng về tài chính đảm bảo cho học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam.

6. Đề cương nghiên cứu, danh mục và bản sao các bài báo khoa học đã công bố (đối với nghiên cứu sinh); kế hoạch thực tập (đối với thực tập sinh); bản đăng ký đề tài và chương trình học tập, nghiên cứu (đối với học thạc sĩ).

7. Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học cùng lĩnh vực nghiên cứu có trình độ tiến sĩ trở lên (đối với nghiên cứu sinh).

8. Bản sao các tài liệu, chứng chỉ về năng khiếu, chuyên môn, thành tích nghiên cứu... (nếu có).

9. Bản sao quyết định của Bộ Giáo dục và Thể thao nước CHDCND Lào đồng ý cử đi đào tạo tại Việt Nam (chỉ áp dụng đối với lưu học sinh Lào).

10. Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam.

#### **Điều 8. Trình tự tiếp nhận**

1. Đối với lưu học sinh Hiệp định.

a) Lưu học sinh vào học trình độ đại học đến nhập học tại các cơ sở giáo dục thuộc Đại học Huế trước ngày 05 tháng 9 hằng năm;

b) Lưu học sinh vào học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, thực tập sinh đến nhập học theo thông báo của Đại học Huế.

2. Đối với lưu học sinh ngoài Hiệp định vào học trình độ đại học: Đại học Huế tiếp nhận hồ sơ từ Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế và hồ sơ xét tuyển (đối với lưu học sinh học bổng khác và lưu học sinh tự túc) trước ngày 01 tháng 8 hằng năm; nhập học tại các cơ sở giáo dục thuộc Đại học Huế theo khóa tuyển sinh của năm đó.

3. Trường hợp lưu học sinh thuộc đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 4 Quy định này và lưu học sinh đăng ký học bậc đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, các cơ sở giáo dục thành lập Hội đồng xét tuyển để xem xét, đánh giá trình độ và năng lực học vấn chuyên môn, năng khiếu, trình độ tiếng Việt hoặc tiếng Anh, đề cương nghiên cứu và khả năng thực hiện đề tài nghiên cứu của lưu học sinh và báo cáo kết quả xét tuyển cho Đại học Huế, hồ sơ báo cáo gồm có:

a) 02 bộ hồ sơ (bản sao) của lưu học sinh theo quy định tại Điều 7 Quy định này;

b) Quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển của cơ sở giáo dục;

c) Biên bản và kết luận của Hội đồng xét tuyển;

d) Biên bản đánh giá đề cương nghiên cứu (đối với bậc đào tạo tiến sĩ);

đ) Văn bản báo cáo do thủ trưởng cơ sở giáo dục ký, trong đó cần nêu rõ loại hình đào tạo, nguồn kinh phí, mức học phí đối với lưu học sinh.

4. Việc tiếp nhận hồ sơ của lưu học sinh, hồ sơ báo cáo kết quả xét tuyển của cơ sở giáo dục (nếu có) và báo gọi lưu học sinh nhập học thực hiện theo phân cấp tại Điều 17 và Điều 18 Quy định này.

### **Điều 9. Các môn học không bắt buộc đối với lưu học sinh**

1. Lưu học sinh học chương trình đại học, thạc sĩ và tiến sĩ được miễn áp dụng chuẩn ngoại ngữ đầu ra quy định đối với công dân Việt Nam học các chương trình đào tạo tương ứng giảng dạy bằng tiếng Việt.

Trong quá trình đào tạo, thủ trưởng cơ sở giáo dục xem xét việc tổ chức giảng dạy môn tiếng Việt nâng cao thay thế các môn ngoại ngữ cho lưu học sinh.

2. Lưu học sinh học chương trình đại học được miễn học môn Giáo dục quốc phòng - an ninh và được lựa chọn học môn học thay thế bao gồm: Tiếng Việt nâng cao, Văn hóa Việt Nam, Lịch sử Việt Nam hoặc các môn tự chọn khác do thủ trưởng cơ sở giáo dục quyết định căn cứ vào điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục.

3. Quy định tại Khoản 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp lưu học sinh được tiếp nhận vào học các chuyên ngành về quốc phòng - an ninh.

### **Điều 10. Thời gian học tập và những thay đổi trong quá trình học tập**

1. Thời gian học tập để lấy văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận

a) Thời gian học tập theo các cấp học và trình độ đào tạo được thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

b) Thời gian bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thời gian thực tập đối với thực tập sinh thực hiện theo thỏa thuận giữa cơ sở giáo dục thuộc Đại học Huế với phía gửi đào tạo.

2. Điều chỉnh thời gian học tập

a) Lưu học sinh được rút ngắn thời gian đào tạo nhưng phải hoàn thành nội dung của chương trình đào tạo theo quy định hiện hành;

b) Lưu học sinh Hiệp định cần kéo dài thời hạn học tập, nghiên cứu để hoàn thành chương trình đào tạo thì phải có ý kiến đồng ý của phía gửi đào tạo và được thủ trưởng cơ sở giáo dục nơi lưu học sinh đang học tập đồng ý bằng văn bản;

c) Đối với lưu học sinh ngoài Hiệp định, việc kéo dài thời gian học tập không vượt quá hai lần so với thời gian thiết kế cho chương trình đó.

### 3. Tạm dừng học

a) Trong quá trình học tập, lưu học sinh Hiệp định được tạm dừng học tối đa 12 tháng nếu có lý do chính đáng, được phía gửi đào tạo đồng ý và cơ sở giáo dục cho phép bằng văn bản;

b) Lưu học sinh ngoài Hiệp định được tạm dừng học tối đa không quá 24 tháng nếu có lý do chính đáng (đối với lưu học sinh học bổng tỉnh Thừa Thiên Huế phải được phía gửi đào tạo và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đồng ý bằng văn bản).

c) Việc giải quyết cho lưu học sinh tạm dừng học đối với các trường do Hiệu trưởng quyết định, đối với các đơn vị trực thuộc do Giám đốc Đại học Huế quyết định.

### 4. Chuyển ngành học, chuyển cơ sở giáo dục

a) Lưu học sinh Hiệp định chỉ được chuyển ngành học, chuyển cơ sở giáo dục khi được phía gửi đào tạo đồng ý, cơ sở giáo dục có văn bản đề nghị và Đại học Huế ra quyết định cho phép (đối với trường hợp chuyển cơ sở giáo dục ngoài Đại học Huế được thực hiện theo quy định của quy chế đào tạo hiện hành). Việc chuyển ngành học, chuyển cơ sở giáo dục chỉ thực hiện một lần và áp dụng đối với lưu học sinh theo học từ trình độ đại học trở lên;

b) Việc chuyển ngành học, chuyển cơ sở giáo dục của lưu học sinh ngoài Hiệp định được thực hiện khi có văn bản đề nghị của cơ sở giáo dục và Đại học Huế ra quyết định cho phép (đối với lưu học sinh học bổng tỉnh Thừa Thiên Huế phải có ý kiến của phía gửi đào tạo và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đồng ý bằng văn bản).

## **Điều 11. Kinh phí đào tạo**

### 1. Đối với lưu học sinh Hiệp định

a) Tiêu chuẩn, chế độ, kinh phí đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

b) Lưu học sinh phải kéo dài thời gian học tập để hoàn thành chương trình đào tạo vì lý do chuyển ngành học, thay đổi cơ sở giáo dục, do cá nhân lưu học sinh học tập không đạt yêu cầu nên không đảm bảo tiến độ học tập theo quy định thì trong thời gian kéo dài không được hưởng các tiêu chuẩn, chế độ đang hưởng. Toàn bộ chi phí phát sinh từ việc kéo dài thời gian học tập do phía nước ngoài gửi đào tạo và lưu học sinh tự chi trả, ngoại trừ đối tượng đã được quy định cụ thể trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

c) Lưu học sinh tạm dừng học thì trong thời gian tạm dừng học không được hưởng các tiêu chuẩn, chế độ đang hưởng. Sau thời gian tạm dừng học nếu lưu học sinh đủ điều kiện được cơ sở giáo dục tiếp nhận vào học tiếp thì tiếp tục được hưởng các tiêu chuẩn, chế độ theo quy định. Tổng thời gian được cấp kinh phí không được vượt quá tổng thời gian đã ghi trong quyết định ban đầu.

## 2. Đối với lưu học sinh học bổng tỉnh Thừa Thiên Huế

Kinh phí đào tạo thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng đào tạo ký kết giữa Đại học Huế với UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Toàn bộ chi phí phát sinh từ việc tạm dừng học và kéo dài thời gian học tập do lưu học sinh tự chi trả.

## 3. Đối với lưu học sinh học bổng khác và lưu học sinh tự túc

Kinh phí đào tạo thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng đào tạo ký kết giữa tổ chức, cá nhân tài trợ học bổng với cơ sở giáo dục hoặc cá nhân lưu học sinh với cơ sở giáo dục. Lưu học sinh chịu mọi chi phí phát sinh khác trong quá trình học tập tại Đại học Huế.

### **Điều 12. Cơ sở dữ liệu điện tử quản lý lưu học sinh và chế độ báo cáo**

1. Thực hiện cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin của lưu học sinh vào hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý lưu học sinh tại địa chỉ <http://lhsnn.vied.vn> chậm nhất 30 ngày sau khi lưu học sinh đến Đại học Huế nhập học và cập nhật thông tin hằng năm hoặc khi có sự thay đổi theo trách nhiệm được phân công tại Điểm e, Khoản 2, Điểm c, Khoản 3, Điều 17 và Điểm b, Khoản 2, Điểm e, Khoản 3, Điều 18 Quy định này.

2. Các cơ sở giáo dục báo cáo công tác tiếp nhận, đào tạo lưu học sinh và kết quả học tập của lưu học sinh (theo mẫu tại Phụ lục II) cho Đại học Huế (Ban Công tác học sinh, sinh viên) trước ngày 25 tháng 12 hằng năm bằng đường công văn và file dữ liệu gửi qua hệ thống thông tin quản lý.

3. Đại học Huế tổng hợp báo cáo công tác tiếp nhận, đào tạo lưu học sinh và kết quả học tập của lưu học sinh (theo mẫu tại Phụ lục II) cho Bộ Giáo dục và Đào tạo (Cục Hợp tác quốc tế) trước ngày 31 tháng 12 hằng năm (qua đường công văn và file dữ liệu vào mục báo cáo trên hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý lưu học sinh tại địa chỉ <http://lhsnn.vied.vn>).

## **Chương III**

### **QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA LƯU HỌC SINH**

#### **Điều 13. Quyền lợi của lưu học sinh**

1. Được đảm bảo quyền lợi của người học theo quy định.

2. Được cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ học tập phù hợp với điều kiện của cơ sở giáo dục và cơ sở phục vụ lưu học sinh.

3. Được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể dục, thể thao của cơ sở giáo dục và cơ sở phục vụ lưu học sinh.

4. Được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của học sinh, sinh viên do cơ sở giáo dục, phục vụ lưu học sinh tổ chức.

5. Được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức như đối với công dân Việt Nam.



6. Được thi, kiểm tra, bảo vệ khóa luận, đồ án, luận án tốt nghiệp, nhận chứng chỉ, bằng tốt nghiệp.

7. Được về nước nghỉ hè, nghỉ lễ, được mời thân nhân đến thăm theo quy định của Việt Nam; được nghỉ phép, nghỉ ốm hoặc nghỉ để chữa bệnh khi có sự đồng ý của cơ sở giáo dục.

8. Lưu học sinh Hiệp định được hưởng các tiêu chuẩn, chế độ theo quy định hiện hành của Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

9. Tập thể lưu học sinh cùng một nước, cùng học tại một cơ sở giáo dục hoặc cùng sinh hoạt trong một ký túc xá được cử đại diện để quản lý mọi mặt đối với lưu học sinh của nước mình, làm đầu mối liên hệ với cơ sở giáo dục hoặc cơ sở phục vụ lưu học sinh để giải quyết những việc có liên quan đến tập thể lưu học sinh nước mình.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của lưu học sinh**

1. Tuân thủ pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Tôn trọng phong tục, tập quán Việt Nam.
3. Thực hiện Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam, Quy định quản lý người nước ngoài học tập tại Đại học Huế, Quy chế đào tạo, Điều lệ nhà trường đối với từng cấp học và trình độ đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam ban hành; Quy chế, Nội quy học tập, sinh hoạt do cơ sở giáo dục, cơ sở phục vụ lưu học sinh quy định.
4. Thực hiện đúng quy định và mục đích nhập cảnh vào Việt Nam học tập.
5. Quan hệ hữu nghị với công dân Việt Nam và lưu học sinh các nước khác.
6. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của cơ sở giáo dục, cơ sở phục vụ lưu học sinh.

### **Chương IV KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 15. Khen thưởng và xử lý vi phạm đối với lưu học sinh**

1. Lưu học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, nghiên cứu và hoạt động hữu nghị được khen thưởng theo quy định của pháp luật Việt Nam về thi đua khen thưởng.

2. Lưu học sinh vi phạm kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý theo các hình thức sau đây:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Đình chỉ học tập và trả về nước;

d) Đề nghị các cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Hình thức kỷ luật quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều này do thủ trưởng cơ sở giáo dục, cơ sở phục vụ lưu học sinh quyết định. Hình thức kỷ luật quy định tại Điểm c và d Khoản 2 Điều này do thủ trưởng cơ sở giáo dục thống nhất với phía gửi đào tạo, phía cấp học bổng quyết định đối với lưu học sinh ngoài Hiệp định; báo cáo Đại học Huế đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định đối với lưu học sinh Hiệp định.

### **Điều 16. Khen thưởng và xử lý vi phạm đối với cơ sở giáo dục, cơ sở phục vụ lưu học sinh**

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong đào tạo, quản lý và phục vụ lưu học sinh được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

## **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 17. Trách nhiệm của các ban chức năng Đại học Huế**

1. Ban Khoa học, Công nghệ và Quan hệ quốc tế chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về các nước, vùng lãnh thổ nơi có lưu học sinh đến học tập tại Đại học Huế và các tổ chức, cá nhân tài trợ học bổng cho lưu học sinh; hỗ trợ kiểm tra, thẩm định hồ sơ về mặt đối ngoại.

2. Ban Công tác học sinh, sinh viên chịu trách nhiệm:

a) Tham mưu cho Giám đốc ban hành quyết định tiếp nhận lưu học sinh Hiệp định vào học chương trình đại học chính thức;

b) Đầu mối tiếp nhận hồ sơ và tham mưu cho Giám đốc ban hành quyết định tiếp nhận lưu học sinh ngoài Hiệp định vào học chương trình đại học chính thức hoặc học dự bị đại học;

c) Tham mưu cho Giám đốc ban hành quyết định chuyển cơ sở giáo dục, chuyển ngành đối với lưu học sinh theo quy định tại Khoản 4, Điều 8 Quy định này.

d) Phối hợp với Ban Kế hoạch - Tài chính và Văn phòng Đại học Huế tham mưu cho Giám đốc ký kết hợp đồng đào tạo lưu học sinh học bổng tỉnh Thừa Thiên Huế; đề xuất một số chính sách, chế độ hỗ trợ lưu học sinh trong các dịp lễ tết;

đ) Phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc làm thủ tục gia hạn Hộ chiếu cho lưu học sinh trong thời gian đang học tập, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục thuộc Đại học Huế;

e) Cập nhật thông tin đối với lưu học sinh học trình độ đại học; báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo tình hình học tập, kết quả học tập và rèn luyện của lưu học sinh sau mỗi năm học và toàn khóa học theo quy định tại Điều 12 Quy định này.

### 3. Ban Đào tạo chịu trách nhiệm:

a) Tham mưu cho Giám đốc ban hành quyết định tiếp nhận lưu học sinh Hiệp định vào học chương trình đào tạo thạc sĩ, nghiên cứu sinh, học viên chương trình bồi dưỡng nâng cao trình độ, thực tập sinh;

b) Đầu mối tiếp nhận hồ sơ và tham mưu cho Giám đốc ban hành quyết định tiếp nhận lưu học sinh ngoài Hiệp định vào học chương trình đào tạo thạc sĩ, nghiên cứu sinh, chương trình bồi dưỡng nâng cao trình độ, thực tập sinh;

c) Cập nhật thông tin đối với lưu học sinh học viên chương trình đào tạo thạc sĩ, nghiên cứu sinh, học viên chương trình bồi dưỡng, nâng cao trình độ, thực tập sinh; tổng hợp tình hình học tập, kết quả học tập của các đối tượng lưu học sinh này sau mỗi năm học và toàn khóa học (theo mẫu tại Phụ lục II) gửi về Ban Công tác học sinh, sinh viên trước ngày 25 tháng 12 hằng năm để tổng hợp báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Ban Kế hoạch - Tài chính chịu trách nhiệm: Tham mưu cho Giám đốc ký kết hợp đồng đào tạo đối với lưu học sinh học bổng tỉnh Thừa Thiên Huế và phân bổ tiêu chuẩn, chế độ, kinh phí đào tạo đối với lưu học sinh Hiệp định cho cơ sở giáo dục theo quy định; đề xuất hỗ trợ một số chính sách cho lưu học sinh trong thời gian học tập tại Đại học Huế.

5. Ban Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Ban Thanh tra và Pháp chế, Văn phòng Đại học Huế chịu trách nhiệm: Phối hợp với Ban Công tác học sinh, sinh viên, Ban Đào tạo và Ban Hợp tác Quốc tế tham mưu cho Giám đốc giải quyết các vấn đề có liên quan đến người nước ngoài học tại Đại học Huế theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

### **Điều 18. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục tiếp nhận đào tạo, cơ sở phục vụ lưu học sinh**

1. Cơ sở giáo dục tiếp nhận đào tạo, cơ sở phục vụ lưu học sinh chịu trách nhiệm quản lý lưu học sinh trong toàn bộ thời gian lưu học sinh học tập, lưu trú tại Đại học Huế; phối hợp với Đại học Huế và các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các việc liên quan đến lưu học sinh trong thời gian học tập, lưu trú tại Đại học Huế.

2. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục tiếp nhận lưu học sinh Hiệp định vào học chương trình chính thức

a) Đảm bảo chương trình, kế hoạch và nội dung, chất lượng chuyên môn đào tạo lưu học sinh; bố trí lớp học, giảng viên hướng dẫn; theo dõi, quản lý việc học tập, nghiên cứu; cấp phát văn bằng tốt nghiệp hoặc chứng chỉ theo thẩm quyền; kiến nghị Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo điều chỉnh quy định chung về chương trình đào tạo cho lưu học sinh trong trường hợp cần thiết;

b) Báo cáo Đại học Huế tình hình học tập, kết quả học tập và rèn luyện của lưu học sinh sau mỗi năm học và toàn khóa học theo quy định tại Điều 12 Quy định này.

3. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục tiếp nhận lưu học sinh ngoài Hiệp định

a) Chỉ nhận đào tạo lưu học sinh đối với các ngành học mà cơ sở giáo dục được phép đào tạo; thành lập Hội đồng xét tuyển theo quy định tại Khoản 3, Điều 8 Quy định này.

b) Ký kết thỏa thuận, hợp đồng đào tạo với các tổ chức, cá nhân tài trợ học bổng cho lưu học sinh, người đại diện hợp pháp cho lưu học sinh hoặc với cá nhân lưu học sinh không thuộc đối tượng học bổng tỉnh Thừa Thiên Huế;

c) Phối hợp với Đại học Huế và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các việc liên quan đến tiếp nhận lưu học sinh ngoài Hiệp định;

d) Thực hiện trách nhiệm giáo dục, đào tạo theo các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng đào tạo;

đ) Thực hiện việc quản lý thu, chi kinh phí đào tạo lưu học sinh theo quy định của Đại học Huế và theo chế độ tài chính hiện hành;

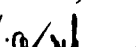
e) Báo cáo Đại học Huế tình hình học tập, kết quả học tập và rèn luyện của lưu học sinh theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Quy định này.

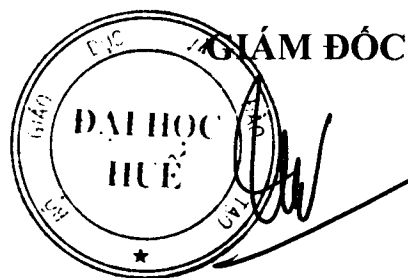
4. Trách nhiệm của cơ sở phục vụ lưu học sinh

a) Chịu trách nhiệm về đời sống vật chất, sinh hoạt của lưu học sinh thuộc phạm vi quản lý;

b) Phối hợp với các đơn vị có liên quan giải quyết chính sách, chế độ của Nhà nước Việt Nam đối với lưu học sinh và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình lưu học sinh với Đại học Huế để tổng hợp báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **Điều 19. Điều khoản chung**

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các cơ sở giáo dục, cơ sở phục vụ lưu học sinh phản ánh về Đại học Huế để Giám đốc xem xét điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp lý hiện hành. / 



**Nguyễn Quang Linh**

Dán ảnh cỡ  
4x6

Attach your  
photo size  
4x6

## Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHH ngày tháng 5 năm 2019  
của Giám đốc Đại học Huế)

### PHIẾU ĐĂNG KÝ DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP TẠI ĐẠI HỌC HUẾ

#### APPLICATION FORM FOR INTERNATIONAL APPLICANTS TO STUDY IN HUE UNIVERSITY

Hãy điền đầy đủ thông tin vào chỗ trống hoặc đánh dấu (✓) vào các ô tương ứng. Viết họ tên bằng chữ in hoa. Please fill in the blanks or tick (✓) appropriate boxes. Write your full name in **BLOCK** letters.

1	Họ/Family name .....	Tên đệm/Middle name .....	Tên/First name .....
2	Ngày sinh/Date of birth:	Ngày/Day . . . . tháng/month . . . . năm/year. . . . .	
3	Giới tính/Gender:	<input type="checkbox"/> Nam/Male	<input type="checkbox"/> Nữ/Female
4	Nhóm máu/Blood type	<input type="checkbox"/> A	<input type="checkbox"/> B <input type="checkbox"/> O <input type="checkbox"/> AB
5	Nơi sinh/Place of birth:	Thành phố/City. . . . . Nước/Country. . . . .	
6	Quốc tịch/Nationality:	.....	
7	Nghề nghiệp/Occupation:	.....	
8	Tôn giáo/Religion:	.....	
9	Hộ chiếu/Passport:	Số/Number .....	Nơi cấp/Place of issue .....
		Ngày cấp/Date of issue .....	Ngày hết hạn/Expiry date .....
10	Tình trạng hôn nhân/ Marital status:	<input type="checkbox"/> Độc thân/Single <input type="checkbox"/> Đã kết hôn/Married <input type="checkbox"/> Ly dị/Divorced	
11	Tiếng mẹ đẻ/Native language:	.....	
12	Địa chỉ liên hệ trong nước/ Home country contact address:	..... .....	
13	Điện thoại nhà riêng trong nước/Home phone number in your home country:	.....	
14	Người liên hệ khi cần báo tin ở trong nước/Contact person in your home country in case of emergency:		
	Họ tên/Full name .....		Quan hệ/Relationship .....
	Địa chỉ nơi ở/Residential address ..... .....		Nơi làm việc/Place of work .....
	Điện thoại/Phone number .....		Email .....

15	Quá trình học tập/Educational background:			
	Năm học Academic year	Cơ sở đào tạo Institution	Ngành học Field of Study	Văn bằng, chứng chỉ Qualifications
	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....
16	Quá trình công tác/Employment record:			
	15.1 Cơ quan công tác/Employer:		.....	
	Thời gian công tác/Time of employment:		Từ/From: tháng/month. .... năm/year. .... Đến/To: tháng/month. .... năm/year. ....	
	Vị trí công tác/Job Title:		.....	
	Mô tả công việc/Job Description:		.....	
	15.2 Cơ quan công tác/Employer:		.....	
	Thời gian công tác/Time of employment:		Từ/From: tháng/month. .... năm/year. .... Đến/To: tháng/month. .... năm/year. ....	
	Vị trí công tác/Job Title:		.....	
	Mô tả công việc/Job Description:		.....	
17	Tự đánh giá trình độ tiếng Việt/Self assessed Vietnamese language proficiency:			
	<input type="checkbox"/> Không biết tiếng Việt/Zero Vietnamese proficiency <input type="checkbox"/> Biết tiếng Việt /Some Vietnamese Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:		<input type="checkbox"/> Sơ cấp/Elementary <input type="checkbox"/> Trung cấp/Intermediate <input type="checkbox"/> Cao cấp/Advanced	
	Nếu bạn đã học ở Việt Nam bằng tiếng Việt, hãy điền các thông tin dưới đây/If you have studied in Vietnam in Vietnamese, complete all following required information:			
	Tên các trường đã học/Names of institutions attended:		.....	
	Tổng thời gian đã học/Total length of study:		..... giờ/hours ..... tháng/months ..... năm/years	
	Giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt/Certificate of Vietnamese language proficiency:		<input type="checkbox"/> Không/No <input type="checkbox"/> Có/Yes      Trình độ/Level: .....	
Loại văn bằng tốt nghiệp đã được cấp/Types of qualifications awarded:		<input type="checkbox"/> THPT/High school <input type="checkbox"/> Cao đẳng/College <input type="checkbox"/> Đại học/Bachelor <input type="checkbox"/> Thạc sĩ/Master <input type="checkbox"/> Tiến sĩ/Doctor		
18	Trình độ tiếng Anh/English Language Proficiency:			
	<input type="checkbox"/> Không biết tiếng Anh/Zero English proficiency <input type="checkbox"/> Biết tiếng Anh/Some English Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:		<input type="checkbox"/> Sơ cấp/Elementary <input type="checkbox"/> Trung cấp/Intermediate <input type="checkbox"/> Cao cấp/Advanced	

19	Ngoại ngữ khác/Other foreign languages: ..... Trình độ/Level: ..... ..... Trình độ/Level: .....		
20	Khóa học đăng ký/Proposed Study Program: <input type="checkbox"/> Tiểu học/Primary School <input type="checkbox"/> Trung học cơ sở/Lower Secondary School <input type="checkbox"/> Trung học phổ thông/Upper Secondary School		
	<input type="checkbox"/> Trung cấp chuyên nghiệp/Secondary Professional and Technical School <input type="checkbox"/> Cao đẳng/Associate <input type="checkbox"/> Đại học/Bachelor <input type="checkbox"/> Thạc sĩ/Master <input type="checkbox"/> Tiến sĩ/PhD <input type="checkbox"/> Thực tập sinh/Research Fellowship <input type="checkbox"/> Khóa học ngắn hạn/Short-term training course		
21	Ngành học, lĩnh vực nghiên cứu đăng ký/Proposed field of study/research: .....		
22	Thời gian học đăng ký/Proposed period of study: Từ/From: ..... ngày/day ..... tháng/month ..... năm/year. Đến/To: ..... ngày/day ..... tháng/month ..... năm/year.		
23	Cơ sở giáo dục đăng ký/Proposed educational institution for study/research: .....		
24	Ngôn ngữ đăng ký sử dụng cho khóa học/Proposed language medium for study: <input type="checkbox"/> Tiếng Việt/Vietnamese <input type="checkbox"/> Tiếng Anh/English <input type="checkbox"/> Ngôn ngữ khác/Other language: .....		
25	Thành viên trong gia đình đang ở Việt Nam (nếu có)/Your family members living in Vietnam (if any):		
	Họ tên/Full name	Quan hệ/Relationship	Địa chỉ/Address
	1. ....	.....	.....
	2. ....	.....	.....
26	Chi phí trong thời gian học tập tại Việt Nam/Source of funding for your study in Vietnam: <input type="checkbox"/> Học bổng Chính phủ Việt Nam/Vietnamese Government Scholarship <input type="checkbox"/> Học bổng tỉnh Thừa Thiên Huế/Thua Thien Hue province Scholarship <input type="checkbox"/> Học bổng khác/Other Scholarship <input type="checkbox"/> Tự túc kinh phí/Self-funding		
27	<p><b>Tôi, người ký tên dưới đây, xin cam đoan tất cả thông tin tôi ghi trong Phiếu đăng ký này là hoàn toàn trung thực và chính xác. Tôi xin cam kết tuân thủ Pháp luật của Việt Nam, Quy chế quản lý lưu học sinh nước ngoài học tập tại Việt Nam và nội quy, quy định của cơ sở đào tạo, cơ sở nội trú trong suốt thời gian lưu học tại Việt Nam.</b></p> <p><b>I, the undersigned, hereby acknowledge that all the information on this Application Form is true and correct to the best of my knowledge. I hereby undertake to comply strictly with all the laws and the regulations of the Vietnamese Government, all regulations applicable to international students studying in Vietnam, all regulations of the educational institutions and accommodation providers throughout my stay in Vietnam.</b></p>		
Ngày/Day ..... tháng/month ..... năm/year .....			
<b>Ký tên/Applicant's signature:</b> .....			

## Danh mục hồ sơ/Document Checklist

Mỗi ứng viên cần nộp 01 bộ gồm các tài liệu (in trên giấy khổ A4) liệt kê dưới đây. Các văn bản giấy tờ ghi bằng ngôn ngữ khác với tiếng Anh hoặc tiếng Việt thì phải đính kèm bản dịch hợp lệ sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Hồ sơ đăng ký không trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.

*Each applicant should submit 01 set of documents (printed on A4-size paper) listed hereunder. Documents in languages other than English or Vietnamese must be attached with duly notarized translation into English or Vietnamese. The submitted documents will not in any case be returned to the applicants.*

- 1. Phiếu đăng ký đã điền đầy đủ thông tin/Completed application form.
- 2. Bản sao, bản dịch có xác nhận hoặc chứng thực văn bằng, kết quả học tập theo quy định đối với từng cấp học, trình độ đào tạo của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo.  
Copies and translation of degrees, diplomas and academic transcripts applicable for relevant levels of proposed study, duly notarized or certified by competent authorities of the sending country.
- 3. Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương của Việt Nam chứng nhận đủ sức khỏe để học tập được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.  
Medical examination certificate issued within 6 months from the date of application by Vietnamese central, municipal or provincial medical bodies, clearly stating that the applicant is healthy and fit for overseas study.
- 4. Bản sao chứng chỉ trình độ tiếng Việt do cơ sở giáo dục có thẩm quyền cấp hoặc chứng chỉ quốc tế về ngôn ngữ sẽ sử dụng để học tập tại Việt Nam (nếu có).  
Copies of Vietnamese Proficiency Certificates issued by competent educational institutions or internationally recognized certificate of the foreign language to be used for study in Vietnam (if any).
- 5. Bản sao giấy tờ minh chứng về tài chính đảm bảo cho học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam.  
Copies of financial guarantee to support study, research and living in Vietnam.
- 6. Đề cương nghiên cứu, danh mục và bản sao các bài báo khoa học đã công bố (đối với nghiên cứu sinh); kế hoạch thực tập (đối với thực tập sinh); bản đăng ký đề tài và chương trình học tập, nghiên cứu (đối với học thạc sĩ).  
Research proposal, list and copies of scientific journals (for PhD applicants); Plan of practical training (for Internship applicants); registration of project and study plan (for Master's students)
- 7. Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học cùng lĩnh vực nghiên cứu có trình độ tiến sĩ trở lên (đối với nghiên cứu sinh).  
Letters of Recommendation provided by 02 researchers or academics who hold doctorate degrees and higher degrees (applicable to PhD applicants).
- 8. Bản sao các tài liệu, chứng chỉ về năng khiếu, chuyên môn, thành tích nghiên cứu... (nếu có).  
Copies of documents and certificates about the applicant's aptitude, expertise, research achievements ... (if any).
- 9. Bản sao quyết định của Bộ Giáo dục và Thể thao nước CHDCND Lào đồng ý cử đi đào tạo tại Việt Nam (chỉ áp dụng đối với lưu học sinh Lào).  
Copies of the decisions by the Ministry of Education and Sports Lao PDR to approve of the nomination of training in Vietnam (only applied to students of Lao PDR)
- 10. Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam.  
Copy of passport with a validity of the expected duration of study in Vietnam or at least 1 year from the expected arrival in Vietnam.



**Phụ lục II**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-ĐHH ngày ..... tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN <sup>1</sup>  
TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC <sup>2</sup>

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-..... <sup>3</sup>

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**BÁO CÁO**

**Về việc tiếp nhận người nước ngoài vào Việt Nam học tập**

Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam; căn cứ Quyết định số ..... /QĐ-ĐHH ngày .....tháng.....năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định quản lý người nước ngoài học tập tại Đại học Huế<sup>4</sup>, .....<sup>5</sup> báo cáo về việc tiếp nhận người nước ngoài vào Việt Nam học tập như sau:

1. Tình hình chung về công tác tuyển sinh và số lượng người nước ngoài tiếp nhận vào Việt Nam học tập, tình trạng chuyển ngành, chuyển trường, lưu ban, thôi học ...:

.....  
.....  
.....

(Chi tiết theo các biểu kèm theo)

2. Những khó khăn vướng mắc

.....  
.....  
.....

3. Kiến nghị đề xuất

.....  
.....  
.....

Trân trọng ./.

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC**

**Nơi nhận:**

- ..... ;
- ..... ;
- Lưu: VT, ...

*(Chữ ký, dấu)*

**Họ và tên**

**Ghi chú:**

- <sup>1</sup> Tên cơ quan chủ quản.
- <sup>2</sup> Tên cơ sở giáo dục.
- <sup>3</sup> Chữ viết tắt cơ sở giáo dục ban hành văn bản.
- <sup>4</sup> Đối với ĐH Huế báo cáo Bộ thì không dùng căn cứ này.
- <sup>5</sup> Tên đơn vị/tổ chức báo cáo.







TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN <sup>1</sup>  
TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC <sup>2</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 04

**DANH SÁCH LƯU HỌC SINH ĐANG HỌC NĂM 20.... (\*)**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....)

STT	Họ và tên	Ngày sinh		Số hộ chiếu	Chỗ ở hiện nay	Quốc tịch	Trình độ đào tạo <sup>3</sup>	Ngành học	Năm bắt đầu khóa học	Năm kết thúc khóa học (dự kiến)	Nguồn kinh phí <sup>4</sup>	Ghi chú
		Nam	Nữ									

Tổng số danh sách này gồm có.....lưu học sinh

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC**

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

**Ghi chú:**

(\*) Báo cáo toàn bộ danh sách lưu học sinh nước ngoài đang học tập tại cơ sở giáo dục (tại thời điểm báo cáo). Lập biểu trên Microsoft Excel, phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12 trên cùng 1 file gồm các biểu khác nhau và gửi file vào mục Báo cáo trên hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý lưu học sinh tại địa chỉ: [http:// lhsnn.vied.vn](http://lhsnn.vied.vn) (phần gửi báo cáo trên hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử do Đại học Huế thực hiện).

<sup>1</sup> Tên cơ quan chủ quản.

<sup>2</sup> Tên cơ sở giáo dục.

<sup>3</sup> Ghi rõ: tiến sĩ (TS), thạc sĩ (ThS), đại học (ĐH), thực tập sinh (TTS), khác.

<sup>4</sup> Ghi rõ nguồn kinh phí: Hiệp định (HĐ), ngoài Hiệp định (NHĐ)